

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 57/Công Ty CP Acecook Việt Nam/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ: LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THANH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại: 02838154064 Fax: 02838154067

Email: info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 0306808687

Sản phẩm được sản xuất tại 1 nơi đã có giấy chứng nhận HACCP
Giấy chứng nhận HACCP:

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN 17/00177.00	24.08.2018	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Lô B-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thanh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG

Mô hồ sơ: SKG24/07.19

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: MÌ ĂN LIỀN SHUKAY HƯƠNG VỊ GÀ CAY PHỞ MẠI

Số tiêu chuẩn: TC: 06-19

2. Thành phần:

Vật mĩ: Bột mì (bổ sung vi chất: kẽm, sắt), tinh bột, dầu thực vật (dầu cọ, chất chống oxy hóa (BHA (320), BHT (321))), chất làm dày (hydroxypropyl starch (1440)), muối, đường, nước mắm, chất tạo xốp (natri hydro carbonat (500(i))), chất ổn định (pentanetri triphosphat (451(i))), bột nghệ, chất tạo màu tự nhiên (curcumin (100(i))),
Các gia vị: Đường, dầu thực vật (dầu cọ, chất chống oxy hóa (BHA (320), BHT (321))), ớt, cà chua, chất điều vị (monosodium glutamat (621), disatri 5'-inosinat (631), disatri 5'-guanylat (627)), vôi, bột phở mại 18,81 g/kg (sữa, lúa mì), muối, các gia vị, thịt gà 6,02 g/kg, hương gà tổng hợp 2,12 g/kg, chất tạo màu tự nhiên (paprika oleoresin (160e)), protein đậu nành, chất tạo màu tổng hợp (caroten nhóm I (150a)), chất chống đông vón (dietyl sebacat (551)), chiết xuất từ ớt, hương hành phi tổng hợp, chất bảo quản (kali sorbat (202)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng:

NSX, ngày, tháng, năm, ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

Hạn sử dụng: 5 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 gói (g/gói): 129 g $\pm$ 5,8 g

Số lượng gói/thùng carton: 24 gói/thùng.

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong bao bì cấu trúc OPP/MCPP, cấu trúc lớp trong PP (polypropylene) tiếp xúc an toàn với thực phẩm. Sau đó các sản phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mãn nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa, theo chiều thông tư 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2	Mục 2.20
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mục 3.18

Mô hồ sơ: SKG24/07.19

2. Giới hạn độc tố vi nấm: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mục 1.6
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mục 1.6
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mục 2.2
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750,0	Mục 4.4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mục 5.3

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phù hợp QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, mục 6.5.2.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Coliform	cfu/g	10,0
3	E-Coli	mpn/g	3,0
4	Salmon	cfu/g	10,0
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10,0
6	B. cereus	cfu/g	10,0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10 ⁴

4. Các chỉ tiêu hóa lý: tham khảo theo tiêu chuẩn CODEX STAN 249-2006, TCVN 7879: 2008.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vớt mì	%	10,0
2	Chỉ số acid của vớt mì	mg KOH/g	2,0

5. Dao động thành phần dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn	Khoảng dao động +/- 20%
1	Giá trị năng lượng	kcal/129g	536	429 - 643
2	Hàm lượng chất béo	g/129g	19,1	15,3 - 22,9
3	Hàm lượng carbohydrate	g/129g	80,8	64,6 - 97,0
4	Hàm lượng chất đạm	g/129g	10,1	8,1 - 12,1

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2019

BATDIEN DOANH NGHIỆP



TAMADA MOTORIKO
GD, Khởi Marketing
Phụ trách Marketing

Mã hồ sơ: SKG24/07.19

Mã hồ sơ: SKG24/07.19

